

Số: 212 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 16 tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ  
của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Y tế  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng  
Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính  
nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 3973/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành  
chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn  
2022 - 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 08 /TTr-SYT ngày 14  
tháng 01 năm 2025.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thông qua phương án đơn giản hóa 07 thủ tục hành chính nội bộ  
của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Y tế thuộc phạm vi chức  
năng quản lý của Sở Y tế (có Phụ lục đính kèm).

### **Điều 2.**

1. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cụ thể hoá  
việc áp dụng thực thi phương án đơn giản hoá đối với các thủ tục hành chính đã  
được thông qua tại Điều 1 của Quyết định này;

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Sở Y  
tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên  
quan thực thi phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này từ ngày ký ban hành./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- TT TH-CB, TT PVHCC tỉnh, P. HC-TC.
- Lưu: VT, K15, KSTT<sup>(C)</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

## Phụ lục

**THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA 07 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC Y TẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

*Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025  
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| STT | Tên thủ tục hành chính   | Nội dung đơn giản hóa   | Kiến nghị thực thi  | Lợi ích phương án đơn giản hóa  |
|-----|--|---|---|---|
| 1   | Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh | <p>- Đề nghị giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 23 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định.</p> <p>Lý do: Trang thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng chăm sóc sức khỏe và hoạt động khám chữa bệnh. Việc giảm thời gian phê duyệt giúp cơ quan, tổ chức nhanh chóng tiếp cận và sử dụng trang thiết bị cần thiết, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh; tăng cường trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.</p> | <p>Tại Khoản 5 Điều 6 của Thông tư số 08/2019/TT- BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Y tế quy định: <i>“Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này có trách nhiệm phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng, Trường hợp không phê duyệt phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”</i></p> <p>Đề nghị sửa đổi Khoản 5 Điều 6 của Thông tư số 08/2019/TT- BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Y tế như sau:</p> <p><i>“Trong thời gian 23 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này có trách nhiệm phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng, Trường hợp không phê duyệt phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa ước tính: 162.375.400 đồng/năm.</li> <li>- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa ước tính: 125.760.360 đồng/năm.</li> <li>- Chi phí tiết kiệm ước tính: 36.615.040 đồng/năm.</li> <li>- Tỷ lệ cắt giảm chi phí ước tính: 22,5%.</li> </ul> |

| STT | Tên thủ tục hành chính                           | Nội dung đơn giản hóa   | Kiến nghị thực thi   | Lợi ích phương án đơn giản hóa  |
|-----|--|---|--|---|
| 2   | Công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện | <p>Đề nghị bổ sung quy định về thời hạn thực hiện thủ tục Công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện.</p> <p>Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết thủ tục hành chính nội bộ nhằm để phân định rõ trách nhiệm, thời hạn thực hiện của từng cơ quan, đơn vị, đảm bảo tính khách quan trong quá trình giải quyết hồ sơ, tránh tình trạng hồ sơ giải quyết bị kéo dài do không có quy định cụ thể.</p> | <p>Theo quy định tại Phụ lục hướng dẫn kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh ban hành kèm theo Khoản 2, Điều 3 (Phụ lục 2) Thông tư số 17/2013/TT-BYT ngày 06/06/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế, như sau:</p> <p><i>“1. Đề nghị kiểm tra công nhận:</i></p> <p><i>Đơn vị chuyên môn được giao trách nhiệm loại trừ bệnh phong (Trung tâm Da liễu hoặc Bệnh viện Da liễu hoặc Trung tâm phòng chống bệnh xã hội hoặc Trung tâm y tế dự phòng) thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối chiếu với các tiêu chí loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện, nếu thấy đã đạt thì đề nghị Sở Y tế xem xét, gửi văn bản đề nghị tiến hành kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i></p> <p><i>2. Thành lập Hội đồng kiểm tra:</i></p> <p><i>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra. Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra các tiêu chí loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện.</i></p> <p>...</p> <p><i>6. Công nhận tỉnh đạt được 04 tiêu chí loại trừ bệnh phong:</i></p> <p><i>Chủ tịch hội đồng có văn bản báo cáo kết quả</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa ước tính: 111.152.800 đồng/năm;</li> <li>- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa ước tính: 77.316.580 đồng/năm;</li> <li>- Chi phí tiết kiệm cho cá nhân, tổ chức ước tính: 33.836.220 đồng/năm;</li> <li>- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC ước tính: 30,4%.</li> </ul> |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Nội dung đơn giản hóa | Kiến nghị thực thi   | Lợi ích phương án đơn giản hóa |
|-----|------------------------|-----------------------|--|--------------------------------|
|     |                        |                       | <p>về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, kèm theo Biên bản kiểm tra của hội đồng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ kết quả kiểm tra của Hội đồng, xem xét quyết định công nhận.”</p> <p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư số 17/2013/TT-BYT ngày 06/06/2013 của Bộ trưởng Bộ Y về thời hạn giải quyết Công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện như sau:</p> <p>“1. Đề nghị kiểm tra công nhận:</p> <p><b>Trong thời hạn 10 ngày làm việc</b> đơn vị chuyên môn được giao trách nhiệm loại trừ bệnh phong (Trung tâm Da liễu hoặc Bệnh viện Da liễu hoặc Trung tâm phòng chống bệnh xã hội hoặc Trung tâm y tế dự phòng) thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối chiếu với các tiêu chí loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện, nếu thấy đã đạt thì đề nghị Sở Y tế xem xét, gửi văn bản đề nghị tiến hành kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>2. Thành lập Hội đồng kiểm tra: <b>Trong thời hạn 10 ngày làm việc</b></p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra. Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra các tiêu chí loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp</p> |                                |

| STT | Tên thủ tục hành chính  | Nội dung đơn giản hóa  | Kiến nghị thực thi   | Lợi ích phương án đơn giản hóa   |
|-----|---|--|--|--|
|     |   |  | <p>huyện.</p> <p>...</p> <p>6. Công nhận tỉnh đạt được 04 tiêu chí loại trừ bệnh phong:</p> <p><b>Trong thời hạn 07 ngày làm việc</b> Chủ tịch hội đồng có văn bản báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, kèm theo Biên bản kiểm tra của hội đồng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ kết quả kiểm tra của Hội đồng, xem xét quyết định công nhận”</p>   |  |
| 3   | <p>Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố hết dịch truyền nhiễm nhóm A trên địa bàn tỉnh</p> | <p>Đề nghị bổ sung quy định về thời hạn thực hiện thủ tục Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố hết dịch truyền nhiễm nhóm A và thủ tục công bố hết dịch truyền nhiễm thuộc nhóm B, C trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Lý do: Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm nhóm A, B, C là nội dung quan trọng và cần thiết, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác phòng, chống dịch bệnh của một tỉnh/thành phố. Vì vậy, cần quy định</p> | <p>Theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ như sau:</p> <p>“1. Ngoài việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 40 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, việc công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm phải đáp ứng điều kiện: Không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới sau khoảng thời gian nhất định cho từng bệnh quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.</p> <p>2. Sau khoảng thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và đã thực hiện các biện pháp chống dịch theo quy định, Sở Y tế báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định:</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa ước tính: 7.578.600 đồng/năm;</li> <li>- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa ước tính: 4.725.480 đồng/năm;</li> <li>- Chi phí tiết kiệm cho cá nhân, tổ chức ước tính: 2.853.120 đồng/năm;</li> <li>- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC ước tính: 37,6 %.</li> </ul> |
| 4   | <p>Công bố hết dịch truyền nhiễm thuộc nhóm B, C trên địa</p>                           |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa ước tính: 14.711.400 đồng/năm;</li> </ul>  |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Nội dung đơn giản hóa   | Kiến nghị thực thi  | Lợi ích phương án đơn giản hóa   |
|-----|------------------------|---|---|--|
|     | bàn tỉnh               | cụ thể thời gian giải quyết nhằm đảm bảo việc công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A, nhóm B, nhóm C được kịp thời, đồng thời phân định rõ trách nhiệm, thời hạn thực hiện của từng cơ quan, đơn vị, đảm bảo tính khách quan trong quá trình giải quyết hồ sơ. | <p><i>a) Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B và nhóm C;</i></p> <p><i>b) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét quyết định công bố hết dịch đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.</i></p> <p><i>3. Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định:</i></p> <p><i>a) Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A khi nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nơi xảy ra dịch;</i></p> <p><i>b) Công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B khi các tỉnh đã công bố hết dịch;</i></p> <p><i>c) Xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A đối với trường hợp dịch mà Thủ tướng Chính phủ đã công bố dịch.”</i></p> <p>Kiến nghị sửa đổi, bổ sung về thời hạn giải quyết Thủ tục Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố hết dịch truyền nhiễm nhóm A và thủ tục Công bố hết dịch truyền nhiễm thuộc nhóm B, C trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh tại Điều 5 Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ như sau:</p> <p><i>“1. Ngoài việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 40 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, việc công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm phải đáp ứng điều kiện: Không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới sau</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa ước tính: 7.578.600 đồng/năm;</li> <li>- Chi phí tiết kiệm cho cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC ước tính: 7.132.800 đồng/năm;</li> <li>- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC ước tính: 48,5%.</li> </ul> |

| STT | Tên thủ tục hành chính                   | Nội dung đơn giản hóa                           | Kiến nghị thực thi   | Lợi ích phương án đơn giản hóa                                      |
|-----|--|---|--|---|
|     |  |   | <p><i>khoảng thời gian nhất định cho từng bệnh quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.</i></p> <p><i>2. Sau khoảng thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và đã thực hiện các biện pháp chống dịch theo quy định, <b>trong thời gian 24 giờ</b> Sở Y tế báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định:</i></p> <p><i>a) Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B và nhóm C: <b>trong thời gian 24 giờ</b></i></p> <p><i>b) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét quyết định công bố hết dịch đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.</i></p> <p><i>3. Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định: <b>trong thời gian 48 giờ</b></i></p> <p><i>a) Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A khi nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nơi xảy ra dịch;</i></p> <p><i>b) Công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B khi các tỉnh đã công bố hết dịch;</i></p> <p><i>c) <b>Trong thời gian 48 giờ</b> xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A đối với trường hợp dịch mà Thủ tướng Chính phủ đã công bố dịch.”</i></p> |   |
| 5   | Cấp và chi trả tiền bồi thường cho người | - Đề nghị giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành | - Theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính   | - Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa ước tính: 96.887.200 |



| STT | Tên thủ tục hành chính   | Nội dung đơn giản hóa  | Kiến nghị thực thi  | Lợi ích phương án đơn giản hóa  |
|-----|--|--|---|---|
|     | <p>được tiêm chủng khi sử dụng vắc xin trong chương trình tiêm chủng chống dịch.</p> | <p>chính nội bộ. Lý do: Khi bị ảnh hưởng bởi các sự cố tiêm chủng, nhu cầu hỗ trợ tài chính của đối tượng là rất cấp bách. Việc rút ngắn thời gian xử lý giúp họ sớm nhận được hỗ trợ, đồng thời thể hiện sự trách nhiệm và quan tâm của cơ quan nhà nước, từ đó tạo sự an tâm và tin tưởng vào chương trình tiêm chủng mở rộng.</p> | <p>phủ quy định về hoạt động tiêm chủng như sau:</p> <p><i>“Điều 18. Thủ tục bồi thường</i></p> <p><i>1. Trong thời hạn <b>05 ngày làm việc</b>, kể từ ngày nhận được kết luận của Hội đồng tư vấn chuyên môn tỉnh (thời điểm tiếp nhận được tính theo dấu tiếp nhận công văn đến của Sở Y tế), Sở Y tế ra quyết định giải quyết bồi thường đối với các trường hợp được Nhà nước bồi thường theo quy định tại Nghị định này.</i></p> <p><i>2. Quyết định giải quyết bồi thường phải có các nội dung chính sau:</i></p> <p><i>a) Tên, địa chỉ của người được bồi thường;</i></p> <p><i>b) Tóm tắt lý do bồi thường;</i></p> <p><i>c) Mức bồi thường;</i></p> <p><i>d) Hiệu lực của quyết định giải quyết bồi thường.</i></p> <p><i>3. Quyết định giải quyết bồi thường phải được gửi cho người bị thiệt hại, người có lỗi hoặc cơ quan tổ chức có lỗi gây thiệt hại (nếu có).</i></p> <p><i>4. Quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày người bị thiệt hại nhận được quyết định, trừ trường hợp người bị thiệt hại không đồng ý và khởi kiện ra tòa án.</i></p> <p><i>Điều 19. Trình tự, thủ tục cấp và chi trả tiền bồi thường</i></p> <p><i>1. Trong thời hạn <b>05 ngày làm việc</b>, kể từ ngày quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực</i></p> | <p>đồng/năm;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa ước tính: 73.111.200 đồng/năm;</li> <li>- Chi phí tiết kiệm cho cá nhân, tổ chức ước tính: 23.776.000 đồng/năm;</li> <li>- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC ước tính: 24,5 %.</li> </ul> |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Nội dung đơn giản hóa | Kiến nghị thực thi   | Lợi ích phương án đơn giản hóa |
|-----|------------------------|-----------------------|--|--------------------------------|
|     |                        |                       | <p><i>pháp luật, Sở Y tế phải có văn bản gửi Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia đề nghị cấp kinh phí để thực hiện bồi thường kèm theo quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật.</i></p> <p><i>2. Trong thời hạn <b>10 ngày</b>, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp kinh phí để thực hiện bồi thường, Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia phải cấp kinh phí cho Sở Y tế để chi trả cho người bị thiệt hại.</i></p> <p><i>3. Trong thời hạn <b>05 ngày làm việc</b>, kể từ ngày nhận được kinh phí do Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia cấp, Sở Y tế phải thực hiện việc chi trả bồi thường cho người bị thiệt hại...”</i></p> <p><i>- Đề nghị sửa đổi Điều 18, Điều 19 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng như sau:</i></p> <p><i>“Điều 18. Thủ tục bồi thường</i></p> <p><i>1. Trong thời hạn <b>03 ngày làm việc</b>, kể từ ngày nhận được kết luận của Hội đồng tư vấn chuyên môn tỉnh (thời điểm tiếp nhận được tính theo dấu tiếp nhận công văn đến của Sở Y tế), Sở Y tế ra quyết định giải quyết bồi thường đối với các trường hợp được Nhà nước bồi thường theo quy định tại Nghị định này.</i></p> <p><i>2. Quyết định giải quyết bồi thường phải có các nội dung chính sau:</i></p> <p><i>a) Tên, địa chỉ của người được bồi thường;</i></p> |                                |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Nội dung đơn giản hóa | Kiến nghị thực thi  | Lợi ích phương án đơn giản hóa |
|-----|------------------------|-----------------------|---|--------------------------------|
|     |                        |                       | <p>b) Tóm tắt lý do bồi thường;</p> <p>c) Mức bồi thường;</p> <p>d) Hiệu lực của quyết định giải quyết bồi thường.</p> <p>3. Quyết định giải quyết bồi thường phải được gửi cho người bị thiệt hại, người có lỗi hoặc cơ quan tổ chức có lỗi gây thiệt hại (nếu có).</p> <p>4. Quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày người bị thiệt hại nhận được quyết định, trừ trường hợp người bị thiệt hại không đồng ý và khởi kiện ra tòa án.</p> <p>Điều 19. Trình tự, thủ tục cấp và chi trả tiền bồi thường.</p> <p>1. Trong thời hạn <b>03 ngày làm việc</b>, kể từ ngày quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật, Sở Y tế phải có văn bản gửi Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia đề nghị cấp kinh phí để thực hiện bồi thường kèm theo quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật.</p> <p>2. Trong thời hạn <b>07 ngày</b>, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp kinh phí để thực hiện bồi thường, Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia phải cấp kinh phí cho Sở Y tế để chi trả cho người bị thiệt hại.</p> <p>3. Trong thời hạn <b>02 ngày làm việc</b>, kể từ ngày nhận được kinh phí do Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia cấp, Sở Y tế phải thực hiện</p> |                                |

| STT | Tên thủ tục hành chính  | Nội dung đơn giản hóa   | Kiến nghị thực thi   | Lợi ích phương án đơn giản hóa   |
|-----|---|---|--|--|
|     |   |   | <i>việc chi trả bồi thường cho người bị thiệt hại...”</i>  |  |
| 6   | Điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế                    | Đề nghị bổ sung quy định về thời hạn thực hiện thủ tục “Điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế” và thủ tục “Duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế”. | <p>Theo quy định tại khoản 2 khoản 3 khoản 4 khoản 5 Điều 13 Thông tư số 26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế như sau:</p> <p><i>“2. Trách nhiệm của Sở Y tế:</i></p> <p><i>a) Chủ trì hướng dẫn, tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này trên địa bàn quản lý;</i></p> <p><i>b) Điều phối thuốc methadone và duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.</i></p> <p><i>3. Trách nhiệm của Cơ quan đầu mối về Phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh:</i></p> <p><i>a) Tổng hợp Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trù nhu cầu sử dụng thuốc methadone từ các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Sở Y tế để phê duyệt;</i></p> <p><i>b) Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật các cơ sở điều trị thay thế, cơ sở cấp phát thuốc trên thuộc thẩm quyền quản lý.</i></p> <p><i>4. Trách nhiệm của cơ sở điều trị thay thế:</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa ước tính: 19.496.320 đồng/năm;</li> <li>- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa ước tính: 10.936.960 đồng/năm;</li> <li>- Chi phí tiết kiệm cho cá nhân, tổ chức ước tính: 8.559.360 đồng/năm;</li> <li>- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC ước tính: 43 %.</li> </ul>   |
| 7   | Duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế | Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết thủ tục hành chính nội bộ nhằm để phân định rõ trách nhiệm, thời hạn thực hiện của từng cơ quan, đơn vị, đảm bảo tính khách quan trong quá trình giải quyết hồ sơ, tránh tình trạng hồ sơ giải quyết bị kéo dài do không  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa ước tính: 24.370.400 đồng/năm;</li> <li>- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa ước tính: 16.048.800 đồng/năm;</li> <li>- Chi phí tiết kiệm cho cá nhân, tổ chức ước tính: 8.321.600 đồng/năm;</li> <li>- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC ước tính: 34,1 %.</li> </ul> |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Nội dung đơn giản hóa | Kiến nghị thực thi  | Lợi ích phương án đơn giản hóa |
|-----|------------------------|-----------------------|---|--------------------------------|
|     |                        | có quy định cụ thể.   | <p><i>a) Thực hiện Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trù nhu cầu sử dụng thuốc methadone hàng quý hoặc khi có nhu cầu đột xuất theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh;</i></p> <p><i>b) Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật các cơ sở cấp phát thuốc thuộc thẩm quyền quản lý.”</i></p> <p>Đề nghị bổ sung quy định về thời hạn thực hiện thủ tục Điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế, cụ thể như sau:</p> <p><i>“2. Trách nhiệm của Sở Y tế:</i></p> <p><i>a) Chủ trì hướng dẫn, tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này trên địa bàn quản lý;</i></p> <p><i>b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Y tế Điều phối thuốc methadone và duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.</i></p> <p><i>3. Trách nhiệm của Cơ quan đầu mối về Phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh:</i></p> <p><i>a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Tổng hợp Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trù nhu cầu sử dụng thuốc methadone từ các cơ sở điều</i></p> |                                |

| STT | Tên thủ tục hành chính    | Nội dung đơn giản hóa | Kiến nghị thực thi   | Lợi ích phương án đơn giản hóa |
|-----|---------------------------|-----------------------|--|--------------------------------|
|     |                           |                       | <p><i>trị thay thế trên địa bàn quản lý theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Sở Y tế để phê duyệt;</i></p> <p><i>b) Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật các cơ sở điều trị thay thế, cơ sở cấp phát thuốc trên thuộc thẩm quyền quản lý.</i></p> <p><i>4. Trách nhiệm của cơ sở điều trị thay thế:</i></p> <p><i>a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, thực hiện Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trù nhu cầu sử dụng thuốc methadone hàng quý hoặc khi có nhu cầu đột xuất theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh;</i></p> <p><i>b) Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật các cơ sở cấp phát thuốc thuộc thẩm quyền quản lý.”</i></p> |                                |
|     | <b>Tổng cộng: 07 TTHC</b> |                       |  |                                |